|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TTYT HUYỆN DẦU TIẾNG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số**:** /BC-TTYT | *Dầu Tiếng, ngày tháng 02 năm 2018* |



**BÁO CÁO**

# Công tác Y tế tháng 02 năm 2018



1. **HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

**1. Hoạt động Chăm sóc bà mẹ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung báo cáo** | **Đơnvị tính** | **Trong tháng** | **Cộng dồn** |
| 1 | Tổng số phụ nữ có thai | Người | 90 | 292 |
|  | Trong đó : Vị thành niên | “ | 0 | 13 |
| 2 | Tổng số phụ nữ có thai được xét nghiệm HIV | Người | 10 | 20 |
|  | Trong đó: số có kết quả khẳng định HIV (+) | “ | 0 | 0 |
| 3 | Tổng số phụ nữ có thai nhiễm HIV được điều trị ARV | “ | 0 | 0 |
| 4 | Tổng số lần khám thai | Lần | 605 | 1208 |
| 5 | Tổng số phụ nữ đẻ | Người | 114 | 233 |
|  | Trong đó:  - Số phụ nữ đẻ con thứ 3 trở lên  Trong đó: vi phạm | Người | 8 | 21 |
|  | - Tổng số phụ nữ đẻ được CBYT đỡ | Người | 114 | 233 |
|  | - Số đẻ tại cơ sở y tế | Người | 114 | 233 |
| 6 | Số phụ nữ đẻ/sơ sinh được chăm sóc sau sinh | Người | 114/114 | 233/235 |
| 7 | Sàng lọc trước sinh | Người | 43 | 103 |
| 8 | Sàng lọc sơ sinh | Trẻ | 17 | 37 |

**Ghi Chú**: Sanh con lần 3: 08 người, trong đó 05 trường hợp vi phạm chính sách dân số: Định Thành 01, Long Hòa 01, Minh Thạnh 01, Minh Hòa 01, Thanh An 01 (muốn có thêm con do gia đình đủ điều kiện).

# 2. Tình hình mắc/chết do tai biến sản khoa

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung báo cáo** | **Đơn vị tính** | **Trong tháng** | **Cộng dồn** |
|  | **Tổng cộng :** | Ca | **0** | **0** |
| 1 | Băng huyết | “ | **0** | **0** |
| 2 | Sản giật | “ | 0 | 0 |
| 3 | Uốn ván sơ sinh | “ | 0 | 0 |
| 4 | Vỡ tử cung | “ | 0 | 0 |
| 5 | Nhiễm trùng sau đẻ | “ | 0 | 0 |
| 6 | Phá thai | “ | 0 | 0 |

**3. Hoạt động khám chữa phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình và nạo phá thai**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung báo cáo** | **Đơn vị tính** | **Trong tháng** | **Cộng dồn** |
| 1 | Tổng số lượt khám phụ khoa | Lượt | 657 | 1473 |
| 2 | Tổng số lượt trị phụ khoa | “ | 262 | 570 |
| 3 | Tổng số mới thực hiện KHHGĐ (biện pháp hiện đại) ; | Người | 5 | 10 |
|  | - Vòng | “ | 5 | 10 |
|  | - Triệt sản | “ | 0 | 0 |
|  | - Bao cao su | “ | 0 | 0 |
|  | - Thuốc | “ | 0 | 0 |
| 4 | Số phá thai : | Người | 0 | 0 |
|  | Trong đó : số phá thai tuổi vị thành niên | “ | 0 | 0 |

**4. Tình hình sức khỏe trẻ em**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung báo cáo** | **Đơn vị tính** | **Trong tháng** | **Cộng dồn** |
| 1 | Tổng số trẻ đẻ ra sống | Trẻ | 114 | 235 |
| 2 | Tổng số trẻ sơ sinh được cân | Trẻ | 114 | 235 |
|  | Trong đó : dưới 2.500gr | “ | 4 | 8 |
| 3 | Tử vong thai nhi và trẻ em | “ | 0 | 0 |
|  | - Tử vong thai nhi ≥22 tuần đến khi đẻ | Trẻ | 0 | 0 |
|  | Trong đó: |  | 0 | 0 |
|  | - Số tử vong sơ sinh ≤ 7 ngày | “ | 0 | 0 |
|  | - Số tử vong sơ sinh <28 ngày | “ | 0 | 0 |
|  | - Chết trẻ em <1 tuổi | “ | 0 | 0 |
|  | - Chết trẻ em <5 tuổi | “ | 0 | 0 |
| 4 | Số trẻ sinh ra từ bà mẹ có HIV(+) | Trẻ | 0 | 0 |
| 5 | Số trẻ sinh ra từ mẹ HIV(+) được làm xét nghiệm PCR lần 1 | Trẻ | 0 | 0 |
|  | Trong đó : số dương tính | “ | 0 | 0 |

**\* Ghi chú:**

- 04 trẻ < 2500 gr: 01 xã Long Tân thai # 34 tuần (sa), 01 xã Minh Hòa thai # 36 tuần (sa), 01 xã Thanh An thai # 35 tuần (sa), 01 xã Thanh Tuyền thai # 32 tuần (sa).

# 5. Tiêm chủng phòng 10 bệnh cho trẻ em

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung báo cáo** | **Đơn vị tính** | **Trong tháng** | **Cộng dồn** |
| 1 | Số trẻ em dưới 1 tuổi | Trẻ |  |  |
| 2 | Tiêm chủng trẻ em <1 tuổi | Trẻ |  |  |
| 3 | Số trẻ tiêm chủng đầy đủ phòng 8 bệnh | “ | 148 | 268 |
| 4 | Sởi-Rubella trẻ 18 tháng | “ | 00 | 74 |
| 5 | Số phụ nữ có thai được tiêm uốn ván 2+ | Người | 19 | 107 |
| 6 | Tiêm phòng vắc xin VNNB | Mũi | 08 | 348 |
|  | VNNB mũi 1+2 |  | 05 | 246 |
|  | VNNB mũi 3 |  | 03 | 102 |

**6. Tình hình mắc/chết các bệnh có vaccine phòng ngừa**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung báo cáo** | **Đơn vị tính** | **Trong tháng** | **Cộng dồn** |
| - Sởi | Ca | 0 | 0 |
| - Ho gà | “ | 1 | 1 |
| - Liệt mềm cấp | “ | 0 | 0 |
| - Bạch hầu | “ | 0 | 0 |
| - Uốn ván sơ sinh | “ | 0 | 0 |
| - Uốn ván khác | “ | 0 | 0 |
| - Lao màng não | “ | 0 | 0 |
| - Lao khác | “ | 0 | 0 |
| - Viêm gan virus B | “ | 9 | 9 |
| - Viêm não virus | “ | 0 | 0 |
| - Tả | “ | 0 | 0 |
| - Thương hàn | “ | 0 | 0 |

1. **HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Trong tháng** | **Cộng dồn** |
| 1 | Tổng số cơ sở và giường bệnh. | (cơ sở/ giường) | 16/136 |  |
|  | Giường bệnh kế hoạch |  | 136 |  |
|  | Giường bệnh thực kê |  | 180 |  |
| 2 | Tổng số lượt khám bệnh: | Lượt | 15.834 | 37.589 |
|  | Trong đó : |  |  |  |
|  | - Y học cổ truyền (kể cả kết hợp y học hiện đại) | “ | 7.262 | 17.798 |
| 3 | Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú: | Lượt | 404 | 976 |
|  | - Y học cổ truyền (kể cả kết hợp y học hiện đại) | “ | 36 | 125 |
| 4 | Tổng số ngày điều trị nội trú | Ngày | 1.628 | 4.018 |
| 5 | Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú | Lượt | 307 | 739 |
|  | Trong đó:  Y học cổ truyền (kể cả kết hợp y học hiện đại) |  | 96 | 291 |
| 6 | Tổng số lượt khám dự phòng | Lượt | 1.011 | 2.740 |
| 7 | Tổng số tử vong tại cơ sở y tế: | Người | 0 | 0 |
|  | Trong đó : | Ngày |  |  |
|  | - Tử vong dưới 1 tuổi | Trẻ | 0 | 0 |
|  | - Tử vong dưới 5 tuổi | Trẻ | 0 | 0 |
| 8 | Hoạt động cận lâm sàng ; |  |  |  |
|  | - Tổng số lần xét nghiệm | Lần | 3.129 | 6.841 |
|  | - Tổng số lần chụp X-quang | “ | 762 | 2.027 |
|  | - Tổng số lần siêu âm | “ | 498 | 1.281 |
|  | - Tổng số lần đo điện tâm đồ |  | 196 | 462 |

***Lưu ý:***

*-* Những trường hợp sau không được tính là một lần khám bệnh khi: Người bệnh đến chỉ để rửa, băng bó vết thương theo hẹn của thầy thuốc.

- Khám sức khỏe định kỳ, khám nghĩa vụ quân sự, khám nha học đường, khám định kỳ cho người cao tuổi, phụ nữ, khám chiến dịch…được tính là khám dự phòng.

# HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BỆNH XÃ HỘI

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung báo cáo** | **Đơn vị tính** | **Trong**  **tháng** | **Cộng dồn** |
| **I** | **Phòng chống lao** |  |  |  |
| 1 | Số bệnh nhân lao phổi AFB (+) mới phát hiện | Người | 04 | 10 |
| 2 | Số bệnh nhân lao phổi AFB (+) mới điều trị khỏi | “ | 05 | 08 |
| 3 | Số bệnh nhân lao các thể được phát hiện | “ | 07 | 18 |
| 4 | Số bệnh nhân tử vong trong thời gian điều trị lao | “ | 00 | 00 |
| **II** | **Phòng chống sốt rét (SR)** |  |  |  |
| 1 | Tổng số bệnh nhân SR mới phát hiện | Người | 0 | 04 |
| 2 | Tổng số bệnh nhân tử vong do SR | Người | 0 | 0 |
| **III** | **Phòng chống HIV/AIDS** |  |  |  |
| 1 | Số ca nhiễm HIV mới phát hiện | Người | 0 | 0 |
|  | - Người Dầu Tiếng | “ | 0 | 0 |
| 2 | Số hiện nhiễm HIV được phát hiện | Người | 266 | 266 |
|  | - Người Dầu Tiếng | “ | 242 | 242 |
| 3 | Số hiện nhiễm HIV được phát hiện trong nhóm tuổi từ 15-49 tuổi | Người | 232 | 232 |
|  | - Người Dầu Tiếng | “ | 230 | 230 |
| 4 | Số hiện mắc AIDS | Người | 93 | 93 |
|  | - Người Dầu Tiếng | “ | 92 | 92 |
| 5 | Số ca tử vong HIV/AIDS | Người | 0 | 0 |
|  | - Người Dầu Tiếng | “ | 0 | 0 |
| **IV** | **Sức khỏe tâm thần** |  |  |  |
| 1 | ***Số bệnh nhân hiện mắc động kinh*** | Người | 241 | 241 |
|  | - Số bệnh nhân được quản lý | “ | 241 | 241 |
|  | - Số bệnh nhân mới phát hiện | “ | 10 | 10 |
| 2 | ***Số bệnh nhân hiện mắc tâm thần phân liệt*** | Người | 197 | 197 |
|  | - Số bệnh nhân mới phát hiện | “ | 02 | 02 |
| 3 | ***Số bệnh nhân hiện mắc trầm cảm*** | Người | 11 | 11 |
|  | - Số bệnh nhân được quản lý | “ | 11 | 11 |
|  | - Số bệnh nhân mới phát hiện | “ | 00 | 00 |
| **V** | **Phòng chống hoa liễu** |  |  |  |
|  | - Số bệnh nhân lậu mới phát hiện | Người | 0 | 0 |
|  | - Số bệnh nhân giang mai mới phát hiện | “ | 0 | 0 |
| **VI** | **Phòng chống bệnh phong** |  |  |  |
| 1 | Số bệnh nhân hiện mắc được phát hiện | Người | 0 | 0 |
| 2 | Số bệnh nhân mới phát hiện | “ | 0 | 0 |
| 3 | Số bệnh nhân phong bị tàn tật độ II (quản lý) | “ | 4 | 4 |

1. **TÌNH HÌNH MẮC/ CHẾT DO TAI NẠN THƯƠNG TÍCH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung báo cáo** | **Đơn vị tính** | **Trong tháng** | | **Cộng dồn** | |
|  | **Mắc** | **Chết** | **Mắc** | **Chết** |
|  | **Tổng số mắc/chết :** | **Người** | 54 | 05 | 111 | 08 |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |
| 1 | Tai nạn giao thông | Người | 25 | 03 | 52 | 05 |
| 2 | Đuối nước | Người | 0 |  | 0 |  |
| 3 | Ngộ độc thực phẩm | Người |  |  |  |  |
| 4 | Tự tử | Người | 01 | 01 | 03 | 01 |
| 5 | Tai nạn lao động | Người | 01 |  | 07 |  |
| 6 | Tai nạn khác | Người | 27 | 01 | 49 | 02 |

1. **TÌNH HÌNH MẮC/ CHẾT BỆNH TRUYỀN NHIỄM GÂY DỊCH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung báo cáo** | **Đơn vị tính** | **Trong tháng** | | **Cộng đồn** | |
|  | Mắc | Chết | Mắc | Chết |
| 1 | Tả | Người |  |  |  |  |
| 2 | Thương hàn | “ |  |  |  |  |
| 3 | Lỵ trực trùng | “ |  |  |  |  |
| 4 | Lỵ Amibe | “ | 0 |  |  |  |
| 5 | Tiêu chảy | “ | 42 |  | 85 |  |
| 6 | Viêm não virus | “ |  |  |  |  |
| 7 | Sốt xuất huyết | “ | 8 |  | 15 |  |
| 8 | Sốt rét | “ | 0 |  | 4 |  |
| 9 | Viêm gan B |  | 9 |  | 9 |  |
| 10 | Viêm gan C |  | 4 |  | 4 |  |
| 11 | Dại |  |  |  |  |  |
| 12 | Viêm màng não mô cầu |  |  |  |  |  |
| 13 | Thuỷ đậu |  | 5 |  | 8 |  |
| 14 | Bạch hầu |  |  |  |  |  |
| 15 | Ho gà |  | 1 |  | 1 |  |
| 16 | Uốn ván sơ sinh |  |  |  |  |  |
| 17 | Uốn ván không phải sơ sinh |  |  |  |  |  |
| 18 | Liệt mềm cấp nghi bại liệt |  |  |  |  |  |
| 19 | Sởi |  |  |  |  |  |
| 20 | Quai bị |  | 17 |  | 26 |  |
| 21 | Rubella |  |  |  |  |  |
| 22 | Cúm |  | 94 |  | 198 |  |
| 23 | Cúm A |  |  |  |  |  |
| 24 | Bệnh virus Adeno |  |  |  |  |  |
| 25 | Dịch hạch |  |  |  |  |  |
| 26 | Than |  |  |  |  |  |
| 27 | Xoắn khuẩn da vàng |  |  |  |  |  |
| 28 | Tay-chân-miệng |  | 0 |  | 0 |  |
| 29 | Bệnh do liên cầu khuẩn lợn ở người |  |  |  |  |  |
| 30 | Viêm phổi |  | 04 |  | 08 |  |
| 31 | Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên |  | 281 |  | 712 |  |

1. **TÌNH HÌNH TỬ VONG TỪ CỘNG ĐỒNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nguyên nhân tử vong** | **Tử vong chung** | | **Trong đó** | | | | | **Tử vong mẹ** |
|  | Tổng số | Nữ | <1  tuổi | Từ 1-  <5  tuổi | Từ 5-  <15  tuổi | Từ 15 <60  tuổi | ≥ 60  tuổi |  |
| 1 | Bệnh lao |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Viêm gan | 1 | 1 |  |  |  | 1 |  |  |
| 3 | Sốt xuất huyết/sốt virus |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | HIV/AIDS |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Ung thư các loại | 3 | 1 |  |  |  | 3 |  |  |
| 6 | Khối u lành tính và không rõ tính chất | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| 7 | Đái tháo đường |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Các bệnh tâm thần |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Viêm não/màng não |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Tai biến mạch máu não | 5 | 1 |  |  |  | 3 | 2 |  |
| 11 | Các bệnh khác của hệ tuần hoàn | 3 | 1 |  |  |  | 1 | 2 |  |
| 12 | Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Viêm phổi/viêm phế quản | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 14 | Bệnh hệ tiêu hóa |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Bệnh hệ xương khớp |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Bệnh hệ sinh dục tiết niệu |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 17 | Bệnh lý thời kỳ chu sinh |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | Tử vong liên quan đến thai nghén và sinh |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | Tai nạn giao thông | 2 |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 20 | Đuối nước |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 | Ngộ độc thực phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 22 | Tự tử | 1 | 1 |  |  |  | 1 |  |  |
| 23 | Các tai nạn thương tích khác | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |
| 24 | Các bệnh/triệu chứng khác | 3 | 2 |  |  |  |  | 3 |  |
| 25 | Không xác định được nguyên nhân | 12 | 6 |  |  |  | 1 | 11 |  |

1. **HOẠT ĐỘNG KHÁC**
   1. ***Công tác đào tạo lại và đào tạo liên tục***

- Tiếp tục cử Cán bộ Y tế tham gia các lớp đại học và sau đại học.

* 1. ***Công tác chỉ đạo tuyến***

***3*. *Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe***

- Tổ chức tuyên truyền và truyền thông giáo dục sức khỏe tại các khoa lâm sàng (Lồng ghép trong các buổi sinh hoạt hàng tuần, sinh hoạt Hội đồng người bệnh cấp trung tâm).

- Tổ chức truyên truyền tại các bảng truyền thông giáo dục sức khỏe ở các khoa lâm sàng các bản tin và các tờ rơi về các bệnh lây truyền theo tài liệu của Trung tâm giáo dục truyền thông sức khoẻ tỉnh.

***4. Công tác quản lý kinh tế Y tế***

**4.1*Công tác tài chính***

Báo cáo thu – chi tháng 02/2018:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **+ Tổng thu:** | **6.017.000.000đ** |
| Trong đó: |  |  |
| NSNN cấp: |  | 2.687.000.000đ |
|  | Trong khoán: | 1.727.000.000đ |
|  | Ngoài khoán: | 960.000.000đ |
| Thu một phần viện phí: |  | 3.270.000.000đ |
|  | Thu trực tiếp: | 420.000.000đ |
|  | Thu từ BHYT: | 2.850.000.000đ |
|  | **+ Tổng chi:** | **5.251.000.000đ** |
| Chi trong khoán: |  | 1.680.000.000đ |
|  | Chi lương: | 1.532.000.000đ |
|  | Chi hoạt động: | 148.000.000đ |
| Chi ngoài khoán: |  | 921.000.000đ |
| Chi từ viện phí: |  | 2.650.000.000đ |
|  | Chi lương: | 49.000.000đ |
|  | Chi hoạt động: | 2.601.000.000đ |
|  | **+ Tồn:** | **766.000.000đ** |

- Trình cấp thẩm quyền phê duyệt đầu tư hệ thống xử lý nước thải cho 10 TYT xã.

- Trình cấp thẩm quyền phê duyệt sửa chữa các TYT (Thanh An, Minh Thạnh), khoa Dân số - KHHGĐ và các công trình phụ tại TTYT.

- Trình cấp thẩm quyền phê duyệt mua sắm xe cứu thương cho PKKV Long Hòa.

- Trình cấp thẩm quyền phê duyệt mua sắm thiết bị CNTT.

**4.2 *Công tác tài chính Dược***

- Tổng hợp báo cáo nhập - xuất - tồn thuốc, hóa chất, VTYTTH tháng 02/2018, Trong đó:

+ Thuốc:

- Tồn đầu: 10.472.667.923đ

- Nhập: 5.691.840đ

- Xuất: 1.676.442.701đ

( BHYT xuất tại Trung tâm: 886.521.649đ, BHYT xuất cho tuyến xã: 785.238.196đ và KPSN xuất: 4.682.856đ)

- Tồn cuối: 8.801.917.062đ

+ VTYTTH :

- Tồn đầu: 647.212.070đ

- Nhập: 36.037.840đ

- Xuất: 136.498.576đ

- Tồn cuối: 546.751.334đ

**-** Kiểm tra công tác Dược và công tác sử dụng thuốc an toàn, hợp lí tại các khoa lâm sàng.

- Tham gia chấm thầu tại BVĐK Bình Dương và BV YHCT Bình Dương.

***5. Công tác Đảng và đoàn thể***

***5.1 Công tác Đảng***

* Đảng bộ TTYT huyện Dầu Tiếng có 4 chi bộ trực thuộc.
* 5 chi bộ TYT xã trực thuộc Đảng ủy xã: Long Hòa, Thanh Tuyền, Thanh An, Minh Hòa và Minh Thạnh.
* Số Đảng viên toàn trung tâm có: 102 Đảng viên. Trong đó:

+ Tại trung tâm: 60 Đảng viên (10 Đảng viên dự bị).

+ Tại TYT xã, thị trấn: 42 Đảng viên.(3 dự bị).

- Tham dự lớp trung cấp lí luận chính trị tại Trung tâm bồi dưỡng Chính Trị huyện Dầu Tiếng.

- Dự Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2017.

- Tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị chuyên đề năm 2018.

***5.2 Công tác đoàn thể***

- Tổ chức giải bóng chuyền truyền thống chào mừng ngày Thầy Thuốc Việt Nam 27/2, kết quả đạt giải nhì.

- Tham dự Hội nghị tổng kết công tác Đoàn, hội và phong trào thanh thiếu nhi năm 2017 và tham gia hành trình "Đi tìm địa chỉ đỏ" tỉnh Bình Dương do Huyện đoàn tổ chức.

- Tham gia giao lưu bóng đá mừng các ngày lễ lớn do đơn vị trường Trung học Nguyễn Bỉnh Khiêm tổ chức, kết quả đạt giải nhất.

- Trong tháng thăm ốm, ma chay, nghỉ hưu, chuyển công tác 05 CĐV với số tiền là: 1.900.000đ.

- Trong tháng CLB Thầy thuốc trẻ phối hợp Huyện đoàn, Chi đoàn TTYT, CLB Kỹ năng và các Đoàn Luật thuộc Trường Đại Học Bình Dương tổ chức khám bệnh và cấp phát thuốc cho người dân tại xã Long Hòa và Định Hiệp. Đồng thời tặng quà và trao 30 phần học bổng cho trẻ em nghèo, khuyết tật, học sinh nghèotại 2 xã. Tổng kinh phí cho 2 đợt hơn 50 triệu đồng.

***6. Công tác trực đường dây nóng 1900-9095 của Bộ Y tế***

Trong tháng không có trường hợp phản ánh TTYT huyện Dầu Tiếng qua hệ thống đường dây nóng 1900-9095 của Bộ Y tế:

***7. Công tác khác***

# - Triển khai đầy đủ, kịp thời công văn chỉ đạo của cấp trên.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và các chương trình Y tế khác. Xây dựng kế hoạch và kiện toàn lại hoạt động công tác KSNK năm 2018.

- Tổ chức họp mặt kỷ niệm 63 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02/1955 - 27/02/2018.

- Tổ chức bình bệnh án tháng 01/2018.

- Tổ chức sinh hoạt hội đồng người bệnh cấp bệnh viện lồng ghép truyền thông GDSK các chuyên đề: chăm sóc người bệnh cao huyết áp, ĐTĐ type 2 có 22 người bệnh tham dự.

- Tổ chức bình phiếu chăm sóc tại 02 khoa: khoa Phụ Sản, Khoa Ngoại LK.

- Tổ chức xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 04 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, và thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 21 cơ sở.

- Phối hợp các khoa cử 01 bác sĩ và 03 điều dưỡng phục vụ Y tế: Xuân với trẻ em khó khăn Dầu Tiếng, bắn pháo hoa tết nguyên đán năm 2018.

- Phối hợp đoàn kiểm tra liên ngành, chuyên ngành huyện kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống trong đợt Sau Tết Nguyên đán tổng số cơ sở là 60/64 cơ sở.

- Dự Hội nghị tổng kết công tác DS-KHHGĐ năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 tại Chi cục Dân số-KHHGĐ; Hội nghị tổng kết công tác SKSS và dự án SDD năm 2017 tại Trung tâm CSSKSS Tỉnh.

- Giám sát hoạt động các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và các chương trình Y tế khác tại các xã, thị trấn, PKĐKKV; Giám sát chương trình SKSS và Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em.

- Trang thiết bị, công nghệ thông tin: Thực hiện công tác bảo trì tại chỗ TTB Y tế tại các khoa, phòng TTYT huyện.

# ĐÁNH GIÁ CHUNG

* Trong tháng tổ chức triển khai và thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp trên và tại đơn vị.
* Công tác khám, chữa bệnh và thu dung điều trị tại TTYT Dầu Tiếng trong tháng còn thấp chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch. Đặc biệt công suất sử dụng giường bệnh đạt 58% giảm 20.5% so với tháng trước. Công tác khám bệnh kê toa đạt 97% giảm 34% so với tháng trước; Công tác thu dung điều trị: chỉ tiêu điều trị nội trú đạt 66% giảm 27% so với tháng trước, chỉ tiêu điều trị ngoại trú đạt 101% giảm 40% so với tháng trước.

- Tình hình dịch sốt xuất huyết giảm so với tháng trước: có 03 ổ dịch SXHD tại các ấp Khu phố 4A – TTDT, ấp Tân Tiến - Minh Tân, Định Phước - Định Hiệp.

* Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên vi phạm về chính sách dân số trong tháng chiếm 4.4%, giảm 4% so với tháng trước.

# CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG TỚI

- Triển khai đầy đủ, kịp thời công văn chỉ đạo của cấp trên.

- Di dời, sắp xếp các khoa dự phòng; chuyển phòng tiêm ngừa dịch vụ về khoa KSDB.

- Xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2018; kế hoạch Chỉ đạo tuyến quí I/2018 tại các TYT xã/thị trấn và PKĐKKV.

- Xây dựng và kiện toàn các hoạt động của các Chương trình Y tế - Dân số và chương trình y tế khác năm 2018.

- Đăng kí thi đua khen thưởng đầu năm, cam kết môi trường làm việc không hút thuốc lá, đăng kí thực hiện quy tắc ứng xử và quy chế dân chủ cho cán bộ viên chức trong đơn vị.

- Ra quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các khoa, phòng theo Quyết định số 23/QĐ-SYT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Sở Y tế Bình Dương về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương;

- Tổ chức họp xét nâng lương thường xuyên năm 2018 và nâng lương trước thời hạn năm 2017.

- Tổ chức tham quan du lịch cho các CĐV thuộc Trung tâm Y tế Dầu Tiếng.

- Tổ chức tập huấn Thông tư 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 về việc Hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ cho toàn thể viên chức tại TTYT Dầu Tiếng và các TYT xã/thị trấn, PKĐKKV. Tổ chức họp triển khai, hướng dẫn kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2018 cho các khoa, phòng tại TTYT Dầu Tiếng.

- Tổ chức xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm và thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ăn uống trên địa bàn huyện.

- Tham dự khai mạc và phục vụ Y tế Hội trại giao quân huyện Dầu Tiếng năm 2018.

- Tham dự Hội nghị nghiên cứu khoa học sản phụ khoa giai đoạn 2015-2017 và sinh hoạt chuyên đề Ung thư cổ tử cung tại Trung tâm CSSKSS tỉnh.

- Tham gia chấm thầu thuốc Đông dược tại BV YHCT tỉnh Bình Dương.

- Quyết toán BHYT quý IV/2017.

- Quyết toán kinh phi chương trình DS-KHHGĐ năm 2017.

- Giám sát và phục vụ đảm bảo VSATTP Hội trại giao quân huyện Dầu Tiếng năm 2018 và ngày giải phóng Dầu Tiếng.

- Giám sát hoạt động các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và các chương trình y tế khác tại các TYT/thị trấn, PKĐKKV; Tổ chức giám sát phòng các bệnh SXHD, TCM …

Đặc biệt sẵn sàng ứng phó tốt công tác phòng chống dịch (Thủy đậu, Tay chân miệng, Sởi, Sốt xuất huyết....), Cúm A (H5N1, H7N9), dịch Ebola, virut Zika trên địa bàn huyện Dầu Tiếng.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * UBND huyện; * Phòng Y tế huyện; * BGĐ TTYT huyện; * Các khoa phòng (website TTYT); * Các TYT và PKĐKKV (website TTYT); * Lưu: VT-KHTH (3). | **GIÁM ĐỐC** |